

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HỒNG THÁI TÂY

**BẢNG ĐIỀU CHỈNH PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2022 - 2023**

(Kèm theo kế hoạch PCCM số /KH-PCCM-THCSHTT ngày / /2022)

(Áp dụng từ 09/01/2023 đến

STT	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CM ĐT	Phân công chuyên môn học kỳ II, Năm học 2022-2023	Kiêm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CĐ	ĐH					
1	Nguyễn Thị Thu Thủy	03/11/1969		X	Toán	GDHN 9, SHDC 6A2; SHL 6A3		2	
2	Lê Nho Tập	29/07/1978		X	CNTT	SHDC 6A1, Nhạc 6 (3),		4	
3	Nguyễn Thị Hiền	09/08/1976		X	Hoá	KHTN phân môn Hóa 6 (1,5); Hóa khối 8 (6); Hoá 9 (4); TN theo chủ đề 6A2 (1); SHL 6A2 (1)	TTCM (3); CN 6A2 (4)	20,5	KHTN phân môn Hóa 6 dạy cuốn chiếu theo PPCT
4	Nguyễn Thị Thía	27/12/1970	X		TD	Thể dục 6A1 (2); TD khối 7 (6); TD khối 8 (6); TD khối 9 (4)	TTND (2)	20	
5	Nguyễn Thị Huyền Lương	08/10/1989	X		Sinh-TD	Sinh 6A3; Sinh 7; Sinh 8 (6); Sinh 9 (4); TD 6A2 (2);			KHTN phân môn Sinh 6A3; Sinh 7 dạy cuốn chiếu theo PPCT
6	Hà Kiều Oanh	03/02/1996		X	Toán				Nghỉ thai sản
7	Nguyễn Thị Hiền			X	Toán	Toán 6A1 (4), Toán 7B1 (4); C.ngệ 8 (6); KHTN Lí 7; Lí 8 (3); Lí 9 (4)			Phân môn Lí 7 dạy cuốn chiếu theo PPCT
8	Nguyễn Thị Hồng Thanh	13/04/1984		X	Toán	Toán 6A2, 6A3 (8); Toán TC toán 8C3 (5); TN theo chủ đề 6A3 (1); SHDC (6A3) (1); C.ngệ 9 (2);	CN 6A3 (4); Tổ phó (1)	22	
9	Nguyễn Thị Hương Thùy			X	Toán	Toán TC Toán 9D1 (5); Toán TC toán 8C1, 8C2 (10); NGLL (0,5); C.ngệ 7 (3);	CN 9D1 (4)	22,5	

STT	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CM ĐT	Phân công chuyên môn học kỳ II, Năm học 2022-2023	Kiêm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CĐ	ĐH					
10	Hoàng Thị Nghệ	14/07/1990		X	Toán - Tin	Toán TC toán 9D2 (5); Toán 7B3 (4); TN theo CĐ 7B3 (1); Toán 7B2 (4); SHL 7B3 (1); SHDC 7B3 (1)	CN 7B3 (4) CNTT (2)	22	
11	Đỗ Quỳnh Hương	01/04/1997			Vật lý				Nghỉ thai sản
12	Đỗ Thị Tuyết Lan	25/10/1972		X	GDCD, (S-H-Đ)	Địa khối 6, 7 (9); Địa khối 8 (6); Địa khối 9 (2); Sinh 6A1, 6A2			KHTN phân môn Sinh lớp 6A1, 6A2 dạy cuốn chiếu theo PPCT
13	Nguyễn Thị Lan	30/09/1973		X	Ngữ văn	Văn TC văn 8C3 (5); Văn 6A3 (4); Sử 9 (3); GDĐP 6A2 (1); NGLL (0,5)	CN 8C3 (4); TTCM (3)	20,5	
14	Nguyễn Thị Thu Hà	23/09/1984		X	Ngữ văn	Văn 7B1 (4); Văn TC văn 9D2 (6); GDCD 9D2 (1); GDCD 7 (3); NGLL (0,5)	CN 9D2 (4); TKHD (2)	20,5	
15	Nguyễn Thị Tuyết Mai	14/11/1980	X		Ngữ văn	Văn TC văn 8C1 (5); GDCD 8 (3); Sử 8 (3); GDCD 6 (3); NGLL (0,5)	CN 8C1 (4); UV CĐ (1)	19,5	
16	Phạm Thị Tuyết Ngọc	24/01/1975		X	Ngữ văn	Văn TC văn 9D1 (6); Văn 6A1 (4); GDĐP 6A1 (1); GDCD 9D1 (1) TN theo chủ đề 6A1 (1) + SHL 6A1 (1)	CN 6A1 (4); CTCĐ (3)	21	
17	Lê Thị Phụng	15/11/1973		X	Ngữ văn	Văn TC văn 8C2 (5); Văn 6A2 (4); Sử 7 (4,5); Sử 6A2, 6A3 (3); NGLL (0,5)	CN 8C2 (4); UV CĐ (1)	22	
18	Mạc Thị Duyên			X	Ngữ văn	Văn 7B3 (4); 7B2 (4); Sử 6A1 (1,5); TN theo chủ đề 7B2 (1); GDĐP 7 (3); GDĐP 6A3 (1); SHL+SHDL 7B2 (2)	CN 7B2 (4)	20,5	
19	Nguyễn Thị Thương	28/06/1980		X	Mỹ thuật	MT 6 (3); MT khối 7 (3); MT khối 8 (3); Nhạc 9 (2);	TPT (9,5)	20,5	
20	Nguyễn Thế Hoan	16/04/1975	X		T.Anh	T.Anh 7B2, 7B3 (6); T.Anh 8C1, 8C2 T.Anh khối 9 (4); T.Anh 6A1 (3)		19	
21	Hoàng Thị Lan Hương	30/05/1977		X	T.Anh	T.Anh khối 6A2, 6A3 (6); T.Anh 7B1, 8C3 (6); TN theo chủ đề 7B1 (1); SHL +SHDC 7B1 (2)	Tổ phó CM (1) CN 7B1 (4)	20	
22	Mạc Thị Hồng			x	Tin học	Tin 6 (3); Tin 7 (3); C.nghệ 6A1, 6A2, 6A3 (3); TD 6A3 (2), Nhạc 8 (3); Nhạc 7 (3);		17	

STT	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CMĐT	Phân công chuyên môn học kỳ II, Năm học 2022-2023	Kiêm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CĐ	ĐH					

Ghi chú: Căn cứ vào PPCT sẽ có điều chỉnh PCCM theo từng giai đoạn sẽ TB sau.

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

BỘ PHẬN CHUYÊN MÔN